

Bản án số: **599/2024/HSPT**
Ngày: 30-12-2024

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**
Các thẩm phán: Ông **Phạm Ngọc Thái**
 Ông **Nguyễn Văn Tào.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 602/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 do có kháng cáo của Bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bi cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Quốc T**, sinh ngày 26/12/1974, tại Nghệ An; nơi thường trú: **Tổ A, khối phố P, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**; chỗ ở hiện nay: **Số D N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Phó Tổng Giám đốc **Công ty cổ phần C**; là đảng viên đã bị **Ủy ban kiểm tra Thành ủy H2** thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng (theo Quyết định số 1363-QĐ/TU, ngày 05/9/2024); trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Quốc S** (sinh năm 1932) và bà **Trần Thị D** (đã chết); có vợ là **Nguyễn Thụy Ngọc L** và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/6/2022 đến ngày 24/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Quang Kim S1**, sinh ngày 10/3/1978, tại **huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Nhân viên **Công ty TNHH Đ**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Trần Quang T1** và bà **Nguyễn Thị H** (đều đã chết); có vợ là **Hồ Thị L1** và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/6/2022 đến ngày 24/6/2022 chuyển sang tạm giam; ngày 31/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Quốc T** theo yêu cầu của bị cáo: Ông **Trịnh Anh H1** – Luật sư thuộc **Công ty L4 chi nhánh Đ1**. Địa chỉ: **G B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng**.

Ngoài ra trong vụ án còn có các những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần C hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000102231, đăng ký lần đầu ngày 15/5/2010, với 100% vốn Nhà nước. Năm 2013, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty tiến hành cổ phần hóa, trong đó vốn Nhà nước chiếm giữ 51% cổ phần (**UBND tỉnh Q** là đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty), còn lại 49% cổ phần do các cổ đông góp vốn. Ngày 22/6/2015, **UBND tỉnh Q** có Quyết định số 2215/QĐ-UBND chuyển giao đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước từ UBND tỉnh về Văn phòng Tỉnh ủy tiếp nhận, quản lý.

Năm 2016, Thủ tướng chính phủ có chủ trương giao **Bộ G1** và Sở Giao thông vận tải các địa phương, trong đó có Quảng Nam, thực hiện thí điểm việc vận chuyển khách du lịch bằng xe điện 04 bánh trên địa bàn **thành phố H**. Ngày 11/11/2016, **UBND tỉnh Q** có Quyết định số 3998/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Thí điểm sử dụng phương tiện xe bốn bánh chạy năng lượng điện vận chuyển khách du lịch trong khu vực nội thành **Thành phố H**” và giao cho **Công ty cổ phần C** thực hiện khai thác.

Ngày 20/12/2016, **Công ty cổ phần C** xây dựng phương án kinh doanh vận tải bằng xe điện 04 bánh chạy bằng năng lượng điện đưa khách du lịch tham quan **thành phố H**.

Ngày 06/02/2017, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần C ban hành Quyết định số 01/QĐ về việc thành lập Công ty TNHH MTV C để thực hiện việc kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách bằng xe điện, vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng do Công ty cổ phần C là chủ sở hữu góp vốn với tỷ lệ 100%, người đại diện theo pháp luật là ông Phan Xuân P làm Giám đốc. Nguyễn Quốc T là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần C, được Hội đồng quản trị công ty giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm chung trong việc điều hành toàn bộ hoạt động của công ty, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của công ty.

Sau khi Công ty phê duyệt chủ trương mua sắm, Trần Quang Kim S1 là nhân viên của Công ty TNHH Đ (địa chỉ: Số C L, Khóm G, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Văn phòng làm việc tại Số A Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp Nguyễn Quốc T - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần C đặt vấn đề mua bán 30 xe điện. Sau khi thỏa thuận mua bán với Trần Quang Kim S1, ngày 24/02/2017, Nguyễn Quốc T chỉ đạo cho Công ty TNHH MTV C ký kết Hợp đồng số 24/02/2017/HĐ/DPT-HA mua bán 30 xe điện với giá là 7.342.500.000 đồng. Ngày 31/3/2017, Nguyễn Quốc T chỉ đạo cho Phan Xuân P - Giám đốc Công ty TNHH MTV C ký ủy nhiệm chi chuyển 1.000.000.000 đồng tiền tạm ứng mua xe điện cho Công ty TNHH Đ.

Sau khi chuyển tiền tạm ứng mua xe, T điện thoại cho S1 trao đổi việc mua bán xe trên phải tiến hành tổ chức đấu thầu do Công ty TNHH MTV C là doanh nghiệp Nhà nước. T và S1 bàn bạc thống nhất để đảm bảo cho việc mua bán thì phải tiến hành hợp thức hồ sơ đấu thầu. T giao cho S1 lập hồ sơ mời thầu (nhiệm vụ này của phía Chủ đầu tư), T gửi qua email mẫu hồ sơ mời thầu cho S1 để điền các thông tin có liên quan đến 30 xe điện mà hai bên đã thỏa thuận gồm: xuất xứ hàng hóa, nhãn hiệu, tiêu chuẩn kỹ thuật của xe... Đồng thời, T yêu cầu S1 gửi danh sách 03 Công ty tham gia đấu thầu để T lập các thủ tục phê duyệt danh sách ngắn các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế. S1 đã gửi 03 Công ty tham gia đấu thầu cho T gồm: 1) Công ty TNHH Đ; 2) Công ty TNHH T6 - T6 (địa chỉ: Số G, Đường A, Khu phố E, Phường A, Quận B, TP . Hồ Chí Minh) và 3) Công ty TNHH T7 (địa chỉ: đường C, khối phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Ngày 04/5/2017, Nguyễn Quốc T ban hành Quyết định số 14/QĐ-CTY phê duyệt hồ sơ mời thầu và danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế.

Sau khi phê duyệt hồ sơ mời thầu, đăng tin thông báo đấu thầu, T đã đưa cho S1 03 tập hồ sơ mời thầu để S1 lập hồ sơ 03 Công ty dự thầu và S1 đã cung cấp lại cho T hồ sơ dự thầu của 03 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ; Công ty TNHH T6; Công ty TNHH T7. Sau đó, Phạm Trung D1 (là Giám đốc Công ty TNHH Đ) nhờ Nguyễn Văn V (là Giám đốc Công ty TNHH T7) chuẩn bị bộ hồ sơ dự thầu đứng tên Công ty TNHH Đ. Ngoài ra, T còn yêu cầu S1 gửi 03 báo giá cho đơn vị thẩm định giá để thực hiện việc thẩm định giá theo quy định. Theo yêu

cầu của T, S1 gửi email cho Đoàn Triệu Chu L2 (là nhân viên Công ty TNHH K - Chi nhánh M) 03 báo giá của 03 công ty gồm: Công ty TNHH Đ; Công ty TNHH T6 Địa Chất C.K.C; Công ty TNHH T6 (địa chỉ: Số D H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty thẩm định đã sử dụng phương pháp so sánh là phương pháp thẩm định giá để xác định giá tài sản là: xe 08 chỗ giá 256.000.000 đồng/chiếc; xe 11 chỗ giá 276.000.000 đồng/chiếc; xe 14 chỗ giá 280.700.000 đồng/chiếc.

Về việc đánh giá hồ sơ dự thầu, T giao cho Nguyễn Anh T2 (là nhân viên Công ty cổ phần C) thuê đơn vị tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu. T2 đã thuê Phạm Văn T3 tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu. T3 đã giao lại cho Lê Đức D2 đánh giá hồ sơ dự thầu, lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu và các thủ tục có liên quan đến đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Đ với giá trúng thầu là 7.342.500.000 đồng.

Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu nói trên, Công ty cổ phần C phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Đ. Hai bên đã tiến hành ký kết Hợp đồng số 19/06/2017/HĐ/DPT-HA ngày 19/6/2017 về việc mua bán 30 xe điện, đồng thời lập Thanh lý Hợp đồng (số 17/07/2017/TLHĐ/DPT-KCM ngày 17/7/2017) về việc thanh lý Hợp đồng số 24/02/2017/HĐ/DPT-HA ngày 24/02/2017 chuyển số tiền 01 tỷ đồng tạm ứng sang thanh toán số tiền mua xe. Ngày 30/6/2019, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng.

Trong quá trình thỏa thuận mua bán xe điện, Trần Quang Kim S1 có đặt vấn đề nhờ Nguyễn Quốc T tạo điều kiện để Công ty TNHH Đ trúng thầu hợp đồng cung cấp 30 xe điện và hứa hẹn Công ty Đ sẽ chi hoa hồng cho Nguyễn Quốc T. Sau khi ký hợp đồng thì S1 và T thống nhất số tiền chi hoa hồng là 10.000.000 đồng/xe, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Sau khi nhận xe và đưa vào sử dụng thì xe thường xuyên bị hư hỏng, Nguyễn Quốc T yêu cầu Công ty TNHH Đ thực hiện bảo hành, khắc phục nếu không thực hiện thì Công ty TNHH MTV C không thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng là 1.200.000.000 đồng. Để không thực hiện việc bảo hành và không bị gây khó khăn cho việc thanh toán số tiền còn lại, Trần Quang Kim S1 đã trao đổi với Nguyễn Quốc T về việc sẽ chi cho T số tiền 250.000.000 đồng để không thực hiện bảo hành. T đồng ý và đưa số tài khoản của vợ là Nguyễn Thụy Ngọc L. Ngày 09/8/2018, S1 đã chuyển vào tài khoản của L (vợ T) số tiền 250.000.000 đồng.

Đối với số tiền hoa hồng 10.000.000 đồng/xe, ngày 14/01/2020, S1 điện thoại cho T lấy số tài khoản để S1 chuyển tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Cùng ngày, Huỳnh Thị Ngọc N (là Thủ quỹ Công ty TNHH Đ) chuyển vào tài khoản số 4220205014802 của T mở tại Ngân hàng A chi nhánh C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam số tiền 77.230.000 đồng và ngày 18/3/2020 chuyển cho T số tiền 77.770.000 đồng, tổng cộng 02 lần chuyển tiền là 155.000.000 đồng. Tuy nhiên,

theo thỏa thuận là 300.000.000 đồng, nhưng khi điện thoại cho **T** thì **S1** nói đã phát sinh thêm khoản tiền 250.000.000 đồng đã chi cho **T** trước đó nên số tiền 300.000.000 đồng theo thỏa thuận **S1** chỉ chuyển số tiền 155.000.000 đồng. Như vậy, **Trần Quang Kim S1** đã chi cho **Nguyễn Quốc T** tổng số tiền là 405.000.000 đồng.

Về nguồn gốc số tiền 405.000.000 đồng đã chi cho **Nguyễn Quốc T**, **Trần Quang Kim S1** khai nhận đây là nguồn tiền được **Công ty TNHH Đ2** Tín khoản chi phí trên từng đơn hàng cho bộ phận kinh doanh xe điện mà cụ thể là **Trần Quang Kim S1**. Theo Quy chế kinh doanh ngày 03/01/2017 của **Công ty TNHH Đ** thì **T4** bộ phận kinh doanh được quyền tự quyết trong khoảng lợi nhuận tối đa 50%. Do đó, để có tiền chi cho **Nguyễn Quốc T**, ngày 09/8/2018 **Trần Quang Kim S1** đã tạm ứng số tiền 250.000.000 đồng và nhờ **Nguyễn Thị Kim L3** (là Thủ quỹ **Công ty TNHH Đ**) nộp vào tài khoản cá nhân của **Nguyễn Thụy Ngọc L** (vợ của **Nguyễn Quốc T**).

Đối với hợp đồng cung cấp 30 xe điện cho **Công ty TNHH MTV C**:

- Trong quá trình thỏa thuận mua bán xe điện, **Nguyễn Quốc T** và **Trần Quang Kim S1** có thỏa thuận **T** nhận tiền của **S1** để tạo điều kiện cho **Công ty TNHH Đ** trúng thầu cung cấp 30 xe điện và **Nguyễn Quốc T** đã nhận của **Trần Quang Kim S1** số tiền 155.000.000 đồng, đồng thời **T** có nhận số tiền 250.000.000 đồng để không yêu cầu **Công ty TNHH Đ** thực hiện bảo hành. Toàn bộ số tiền này **T5** sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Quá trình điều tra, **Trần Quang Kim S1** thừa nhận toàn bộ việc thỏa thuận đưa tiền cho **Nguyễn Quốc T** để được trúng thầu cung cấp xe điện và không thực hiện việc bảo hành. Về nguồn gốc số tiền 405.000.000 đồng đã chi cho **Nguyễn Quốc T** thì **Trần Quang Kim S1** khai nhận đây là nguồn tiền được **Công ty TNHH Đ2** Tín khoản chi phí trên từng đơn hàng cho bộ phận kinh doanh xe điện mà cụ thể là **Trần Quang Kim S1**, theo Quy chế kinh doanh ngày 03/01/2017 của **Công ty TNHH Đ** thì **T4** bộ phận kinh doanh được quyền tự quyết trong khoảng lợi nhuận tối đa 50%, do đó để có tiền chi cho **Nguyễn Quốc T**, ngày 09/8/2018 **Trần Quang Kim S1** đã tạm ứng số tiền 250.000.000 đồng và nhờ **Nguyễn Thị Kim L3** nộp vào tài khoản cá nhân của **Nguyễn Thụy Ngọc L** và số tiền 155.000.000 đồng chi cho **Nguyễn Quốc T** thì **S1** cũng tạm ứng từ Công ty và nhờ **Huỳnh Thị Ngọc N** nộp vào tài khoản của **Nguyễn Quốc T**. Toàn bộ số tiền 405.000.000 đồng là từ nguồn kinh phí Công ty giao quyền tự quyết cho **Trần Quang Kim S1**, việc **Trần Quang Kim S1** thỏa thuận đưa hối lộ cho **Nguyễn Quốc T** thì không bàn bạc với **Phạm Trung D1** - Giám đốc **Công ty TNHH Đ** và những người được **S1** nhờ đi nộp tiền hoàn toàn không biết.

* Ngày 24/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** ra Quyết định số 161/QĐ-CSKT trưng cầu **Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q** giám định hồ sơ đấu thầu mua sắm 30 xe điện của **Công ty TNHH MTV C**. Ngày 05/01/2023, **Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Q** kết luận xác định: việc **Công ty TNHH Đ** trúng thầu cung cấp 30 xe điện là vi phạm pháp luật về đấu thầu.

* Ngày 24/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** có Yêu cầu định giá tài sản số 658/YC-CSKT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam định giá 30 xe điện **Công ty TNHH MTV C** đã mua của **Công ty TNHH Đ**. Ngày 16/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự (TTHS) tỉnh Quảng Nam có văn bản số 3457/CV-HĐĐGTS từ chối định giá với lý do: Hội đồng không khảo sát được thông tin, nguyên nhân là do loại hàng hóa yêu cầu định giá có thời điểm định giá là khá lâu (năm 2017); loại hàng hóa yêu cầu định giá cũng không phải là loại hàng hóa nằm trong danh mục hàng hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định định giá hoặc quyết định giá; việc khảo sát giá mua bán tại thời điểm hiện nay để làm cơ sở xử lý hình sự đối với việc mua sắm thời điểm trước đây (năm 2017) là chưa phản ánh đúng giá cả tại từng thời điểm.

* Ngày 24/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** có Quyết định trưng cầu giám định số 161/QĐ-CSKT trưng cầu **Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Q** giám định hồ sơ đấu thầu mua sắm 30 xe điện của **Công ty TNHH MTV C**. Ngày 05/01/2023, **Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Q** có Kết luận giám định xác định việc **Công ty TNHH Đ** trúng thầu cung cấp 30 xe điện là vi phạm pháp luật về đấu thầu.

* Ngày 11/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** ra Quyết định số 09/QĐ-CSKT trưng cầu **Sở Tài chính tỉnh Q** giám định tư pháp về giá đối với 30 xe điện **Công ty TNHH MTV C** đã mua của **Công ty TNHH Đ** (thời hạn giám định kể từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/02/2023). Ngày 27/3/2023, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q** tiếp tục có Công văn số 313/CSKT đề nghị **Sở Tài chính tỉnh Q** trả lời kết quả giám định trước ngày 25/3/2023. Ngày 08/6/2023, **Sở Tài chính tỉnh Q** có Công văn số 1808/STC-GCS từ chối giám định tư pháp về giá đối với việc mua sắm xe điện chở khách tại **thành phố H**, lý do:

- Việc này đã xảy ra quá lâu (trên 05 năm), các mặt hàng mua sắm không nằm trong danh mục hàng hóa do nhà nước định giá, theo dõi và điều tiết của nhà nước theo quy định tại Luật giá năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật giá, Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của **UBND tỉnh Q** về ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; không có theo dõi định kỳ hàng tháng, hàng quý như các mặt hàng thiết yếu (lúa, gạo, xăng dầu, vàng, bạc,...). Do đó, **Sở Tài chính** không có thông tin, cơ sở dữ liệu về giá để làm cơ sở cho việc giám định tư pháp về giá vào thời

điểm năm 2017. Sở tài chính cũng không thể tiến hành khảo sát, đề nghị các đơn vị kinh doanh mặt hàng trên cung cấp báo giá tại thời điểm năm 2017, vì đơn vị chỉ báo giá thời điểm hiện nay, không báo giá cho thời điểm đã qua (năm 2017);

- Việc khảo sát mức giá mua bán thời điểm hiện nay (năm 2023) để làm cơ sở xử lý hình sự đối với việc mua sắm thời điểm trước đây (năm 2017) là chưa phản ánh đúng giá cả tại từng thời điểm và không phù hợp với quy định về thẩm định giá tại điểm c khoản 4 mục II Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 8 (ban hành kèm theo thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của [Bộ T8](#)).

Để xác định thiệt hại do hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây ra, Cơ quan điều tra đã thu thập hồ sơ tài liệu, tiếp tục có Công văn số 1063/CSKT ngày 03/10/2023 về việc đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong [TTHS tỉnh Q](#) tiếp tục thực hiện định giá tài sản 30 chiếc xe điện theo Yêu cầu định giá số 658/YC-CSKT ngày 24/11/2022 của Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh Q](#).

* Ngày 13/10/2023, Hội đồng định giá tài sản trong [TTHS tỉnh Q](#) có Công văn số 3391/HĐĐGTS trả lời về việc định giá tài sản 30 chiếc xe điện như sau: Hội đồng định giá tài sản chưa đủ căn cứ để thực hiện định giá tài sản theo tiêu chuẩn về thẩm định giá, phương pháp định giá theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vụ án, Hội đồng định giá tài sản thống nhất thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ. Về chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh Q](#) có trách nhiệm chi trả theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ.

* Ngày 14/11/2023, Cơ quan điều tra có Công văn số 1307/CSKT về việc phúc đáp Công văn số 3391/HĐĐGTS Hội đồng định giá tài sản trong [TTHS tỉnh Q](#) đồng ý giao Hội đồng định giá tài sản trong [TTHS tỉnh Q](#) thuê đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định giá để thực hiện việc thẩm định giá và chi phí thẩm định đối với 30 chiếc xe điện do Cơ quan điều tra chi trả.

* Ngày 29/11/2023, Hội đồng định giá tài sản trong [TTHS tỉnh Q](#) có Công văn số 3898, 3899/CV-HĐĐGTS gửi Chi nhánh [Công ty cổ phần T9](#) (địa chỉ: [Số B L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#)), Chi nhánh [Công ty TNHH K](#) (địa chỉ: [số D H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#)), [Công ty Cổ phần T10](#) (địa chỉ: [Số A N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#)), [Công ty Cổ phần T10](#) (địa chỉ: [Số H T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#)), [Công ty Cổ phần T10](#) (địa chỉ: [Số C L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam](#)) yêu cầu định giá tài sản 30 chiếc xe điện tại thời điểm tháng 6/2017.

* Ngày 29/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q nhận được Công văn số 312/CV-HĐĐTGS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Q về việc thông báo kéo dài thời gian định giá tài sản tại các Công văn số 1031/CSKT ngày 27/9/2023 và 1063/CSKT ngày 03/10/2023 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q với nội dung: ngày 01/01/2024 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 có hiệu lực thi hành. Theo đó, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 cùng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật không còn hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, đến nay các văn bản quy định, chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 vẫn chưa được Chính phủ, Bộ K1, Bộ T8 ban hành. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q đã có Công văn số 56/SKHĐT-TĐDA ngày 08/01/2024 đề nghị Cục Q - Bộ K1 và Đầu tư hướng dẫn việc thi hành Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 nhưng vẫn chưa nhận được trả lời. Do đó, việc thực hiện các thủ tục trong công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chưa có căn cứ để thực hiện. Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Q sẽ thực hiện định giá theo các yêu cầu của Cơ quan điều tra ngay khi có đầy đủ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- Quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp đã tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng của bị can Nguyễn Quốc T; quá trình điều tra bị can Nguyễn Quốc T tự nguyện nộp lại số tiền 354.914.749 đồng do phạm tội mà có. Tổng cộng số tiền 404.914.749 đồng được gửi vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9046393 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (PC03) Công an tỉnh Q mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (đã niêm phong, không kiểm tra chất lượng) của bị can Trần Quang Kim S1.

- Tạm giữ 01 USB Kingston 8GB màu đỏ chứa dữ liệu Excel liên quan đến 03 nội dung chi số tiền đưa hối lộ được lưu trữ trong ổ D:\MYLOI\ gồm 03 tập tin: 250_09082018.xlsx, 77230_14012020.xlsx, 77770_18032020.xlsx; 01 máy vi tính xách tay hiệu DELL (đã được niêm phong) của Công ty TNHH Đ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Nhận hối lộ”.

Bị cáo [Trần Quang Kim S1](#) phạm tội “Đưa hối lộ”.

1.2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, v, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Quốc T](#) 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ trước đó (từ ngày 15/6/2022 đến ngày 24/6/2022).

Phạt bổ sung bị cáo [Nguyễn Quốc T](#) số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm v, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo [Trần Quang Kim S1](#) 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 15/6/2022 đến ngày 31/8/2022).

Phạt bổ sung bị cáo [Trần Quang Kim S1](#) số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và Quyết định về Án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xử sơ thẩm: ngày 30/9/2024 bị cáo [Nguyễn Quốc T](#) kháng cáo xin giảm hình phạt, ngày 01/10/2024, bị cáo [Trần Quang Kim S1](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo [Nguyễn Quốc T](#) và bị cáo [Trần Quang Kim S1](#), giữ nguyên kháng cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Quốc T](#); và bị cáo [Trần Quang Kim S1](#), đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo [Nguyễn Quốc T](#) và [Trần Quang Kim S1](#).

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **T**, bị cáo **S1** đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

Khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, **Nguyễn Quốc T** là Phó Tổng giám đốc, sau đó là Tổng giám đốc **Công ty cổ phần C**, được giao nhiệm vụ tổ chức mua sắm xe điện, để thực hiện việc kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng xe điện, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, để thỏa thuận với **Trần Quang Kim S1** là Trưởng phòng kinh doanh **Công ty TNHH Đ** để nhận tiền hoa hồng, nhằm tạo điều kiện cho **Công ty TNHH Đ** trúng thầu cung cấp xe điện; Đồng thời sau khi bàn giao xe, **Công ty TNHH Đ** sẽ không thực hiện việc bảo hành, sửa chữa khi xe bị hư hỏng. Sau khi thỏa thuận, **T** đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu để cho **Công ty TNHH Đ** trúng thầu, gói thầu cung cấp 30 xe điện. **Nguyễn Quốc T** đã nhận tiền hối lộ từ **Trần Quang Kim Sơn C** (ba) lần tổng số tiền 405.000.000 đồng. Bị cáo **Trần Quang Kim S1** đã 3 (ba) lần đưa tiền hối lộ cho **Nguyễn Quốc T**, tổng số tiền 405.000.000 đồng, với mục đích được trúng thầu cung cấp 30 xe điện cho **Công ty TNHH MTV C** và không thực hiện việc bảo hành, sửa chữa khi xe bị hư hỏng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử bị cáo **Nguyễn Quốc T** phạm tội “Nhận hối lộ” theo điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354 Bộ Luật hình sự; Bị cáo **Trần Quang Kim S1** phạm tội “Đưa hối lộ” theo điểm đ, e khoản 2 khoản 5 Điều 364 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **T** và **S1** Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Hành vi của bị cáo **T**, bị cáo **S1** đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường, tính chuẩn mực trong công tác tổ chức đấu thầu mua sắm các trang thiết bị do Nhà nước quy định, gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín và suy giảm lòng tin của nhân dân đối với người đang thực thi công vụ; Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm phạt tù có thời hạn các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là thỏa đáng.

Tuy nhiên, đối với Bị cáo **Nguyễn Quốc T**, trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra bị cáo tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Trong công quá trình công tác, bị cáo **T**

được Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Q, Chủ tịch UBND tỉnh Q, Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh Q tặng nhiều giấy khen và bằng khen, được Chủ tịch UBND thành phố H2 tặng Danh hiệu chiến sĩ thi đua, Giấy khen.

Sau khi có Bản án sơ thẩm, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã nộp tiền Phạt bổ sung 30.000.000 đồng; và 200.000 đồng án phí sơ thẩm. Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách thương binh; 02 Huy chương kháng chiến hạng nhất của bố đẻ là ông Nguyễn Quốc S và 01 Huân chương kháng chiến, hạng nhất của mẹ ruột là bà Trần Thị G.

Hiện tại bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động duy nhất trong gia đình, vợ bị ung thư phổi, cha già yếu bệnh nặng cần có người chăm sóc. Đây là các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS giảm cho bị cáo một phần về hình phạt

[2.2] Đối với bị cáo Trần Quang Kim S1, trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; quá trình công tác, được Ban, Ban 1, Chủ tịch UBND tỉnh B tặng nhiều Bằng khen, Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh B, Ban chấp hành Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận tặng Giấy khen.

Sau khi có Bản án sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền Phạt bổ sung 20.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và từ năm 2023 đến 2024 bị cáo có nhiều công sức đóng góp tại địa phương xã Đ nên được tặng nhiều giấy khen như: Phong trào xây dựng nông thôn mới; Xây dựng phát triển kinh tế Hợp tác xã; chương trình an sinh xã hội và có công tổ giác tội phạm vào ngày 5/6/2023 được Trưởng Công an xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo được hưởng tại các điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[3] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; đặc biệt áp dụng Nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét khoan hồng cho các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, S1; sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo .

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo T, S1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm **Trần Quang Kim S1** đã nộp tại biên lai thu số 0000839 ngày 10/01/2024 Cục Thi hành án Quảng Nam. **Nguyễn Quốc T** đã nộp 30.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm tại biên lai thu số 0000846 ngày 11/10/2024 Cục Thi hành án Quảng Nam. Như vậy; các bị cáo **Trần Quang Kim S1** và **Nguyễn Quốc T** đã thi hành xong nghĩa vụ dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ Luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Quốc T**, **Trần Quang Kim S1** và sửa Bản án hình sự sơ thẩm.

1. Căn cứ vào điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Điều 54; của Bộ Luật hình sự 2015.

Xử phạt. **Nguyễn Quốc T** 03 (ba năm) năm tù về tội “ Nhận hối lộ” Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ trước đó (từ ngày 15/6/2022 đến ngày 24/6/2022).

2. Căn cứ vào điểm đ, e khoản 2 khoản 5 Điều 364; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) Xử phạt **Trần Quang Kim S1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ trước đó (từ ngày 15/6/2022 đến ngày 31/8/2022).

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Nguyễn Quốc T**, **Trần Quang Kim S1** không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng.;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Tôn

- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.